TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07 /2018/HNGĐ-ST Ngày 30 - 01 - 2018 V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huy ện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 18/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị G, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn N, sinh năm 1977

ĐKNKTT: Thôn Đ2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 25, phân trại 2, Trại giam T, huyện C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đoàn Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán Việt Nam và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/02/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh N bất đồng với nhau về lối sống, phong cách sống, không chia sẻ những khó khăn về mặt kinh tế. Anh N lười lao động, ham mê cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh N tập trung làm ăn nhưng không đạt kết quả gì. Thực tế anh chị sống ly thân nhau từ đầu năm 2008. Cuối năm 2008 anh N nghe lời rủ rê của bạn bè đã phạm tội liên quan đến chiếm đoạt tài sản và hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nay bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Vũ Hoàng H, sinh ngày 11/5/2007. Do anh N hiện đang chấp hành án, nên chị G nhận nuôi cháu H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn N vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của anh Vũ Văn N, thể hiện về thời điểm chung sống và hoàn cảnh lấy nhau giữa anh và chị Đoàn Thị G là phù hợp với lời khai của chị G. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về lối sống, phong cách sống. Chị G không chia sẻ những khó khăn về mặt kinh tế với anh. Thực tế vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2008. Nay chị G xin ly hôn anh, bản thân anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không muốn con sau này phải khổ và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Về con chung anh và chị G có 01 con chung là Vũ Hoàng H, sinh ngày 11/5/2007, hiện anh đang phải chấp hành án nên để cháu H cho chị G nuôi. Về tài sản chung, công nợ anh và chị G tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 03/01/2018, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2018 (phiên tòa hồi 08 giờ ngày 16/01/2018) cho anh N nhưng do anh N hiện đang phải chấp hành án không tham gia phiên tòa (vắng mặt lần thứ nhất), Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2018, Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Vũ Văn N theo quy định của pháp luật. Như vậy anh Vũ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt do anh

N hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh N theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng của chị G và anh N, các biên bản xác minh mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tại chính quyền địa phương theo đơn đề nghị của nguyên đơn. Nội dung các biên bản đều thể hiện trong quá trình chung sống chị G và anh N có phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do anh N lười lao động, chơi bời cờ bạc, tụ tập, đàn đúm theo bạn bè xấu rồi sa chân vào con đường phạm tội. Nay chị G xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Đoàn Thị G và anh Vũ Văn N đã trầm trọng, yêu cầu của chị G phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G được ly hôn anh N; về con chung: Giao 01 con chung là Vũ Hoàng H, sinh ngày 11/5/2007 cho chị G nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị G và anh N tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị G và anh N tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện K nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị G và anh Vũ Văn N có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 28/02/2008. Như vậy hôn nhân giữa chị G và anh N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị G cương quyết xin ly hôn, anh N khẳng định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh còn tình cảm với chị G và xin đoàn tụ với chị G. Quá trình thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương và đại diện của gia đình anh N đều thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh N không chịu làm ăn chỉ ham mê cờ bạc, tụ tập bạn bè và nghe lời rủ rê rồi sa chân vào con đường trộm cắp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Chị G đã nhiều lần khuyên bảo xong không có kết quả. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của chị G và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đoàn Thị G được ly hôn anh Vũ Văn N.

[3] Về con chung: Giao 01 con chung là Vũ Hoàng H, sinh ngày 11/5/2007 cho chị G nuôi vì chị G có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Điều này phù hợp với đề nghị của gia đình anh N, đại diện chính quyền địa phương; phù hợp với nguyện vọng của cháu Vũ Hoàng H và phù hợp quy định của pháp luật tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị G và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị G và anh N tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị G và anh Vũ Văn N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 và Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị G và anh Vũ Văn N.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Vũ Hoàng H, sinh ngày 11/5/2007 cho chị G nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị G và anh N tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA.0006012 ngày 21/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; chị Đoàn Thị G đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đoàn Thị G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Vũ Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang